

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ kết quả cuộc họp Tổ phản ứng nhanh để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp ngày 04/12/2024 (Thông báo số 423/TB-UBND ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh);

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Cụm công nghiệp Tiến Hưng 1, quy mô 59,3 ha - Giai đoạn 1 tại ấp 7, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 690/TP-PLDA ngày 11/11/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 318/TTr-STNMT ngày 15/11/2024 và Công văn số 3783/STNMT-CCBVMT ngày 05/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ tại đường Tôn Đức Thắng, khu phố 2, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Cụm công nghiệp Tiến Hưng 1, quy mô 59,3 ha - Giai đoạn 1 (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên Dự án: Cụm công nghiệp Tiến Hưng 1, quy mô 59,3 ha - Giai đoạn 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp 7, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 7368100862 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước chứng nhận lần đầu ngày 11/12/2020, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 18/02/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3702457025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/4/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 11/4/2023.

1.4. Mã số thuế: 3702457025.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, gồm các ngành nghề được phép thu hút vào cụm công nghiệp theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh về việc thành lập Cụm công nghiệp Tiến Hưng 1, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7368100862 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, chứng nhận lần đầu ngày 11/12/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 18/02/2022, cụ thể như sau:

Thu hút đầu tư các dự án chế tạo, lắp ráp thiết bị điện, linh kiện điện tử, thiết bị năng lượng mặt trời; cơ khí, sản phẩm phụ trợ may mặc, sản xuất đồ gia dụng; sản xuất bao bì; sản xuất vật liệu xây dựng và trang trí nội thất; chế biến thực phẩm; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm; sản xuất, gia công sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí; sản xuất các sản phẩm từ gỗ; sản xuất phụ tùng, linh kiện cho xe đạp, xe ô tô; chế biến phục vụ phát triển nông nghiệp, chế tạo cơ khí, máy móc nông cụ, phân bón, chế phẩm về cao su,... gắn với khu xử lý nước thải trong cụm công nghiệp.

Lưu ý: Đối với các ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (trừ các ngành đã được thu hút tại Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh), Chủ dự án không được phép thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại ấp 7, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Tổng diện tích Dự án: Khoảng 59,3 ha (trong đó có 7.723 m² đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ đường An Thái - Tiến Hưng).

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (kể từ ngày ký ban hành Giấy phép này).

Điều 4.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Đồng Xoài tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường điều chỉnh này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Công Thương;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 4;
- LD VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty CP Đầu tư - BĐS Thành Phương;
- Lưu: VT_(BH-25-GPMT-18/12).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày .../.../2024 của UBND tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ văn phòng, nhà điều hành Cụm công nghiệp.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ các dự án thứ cấp.
- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ các hoạt động phục vụ công trình dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp.
- Nguồn số 01, 02, 03 nhập chung vào, cùng xả ra 01 điểm xả.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ Tân Lợi (đập Bà Mụ).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1268284.537$; $Y = 566329.421$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).
- Điểm xả thải có tọa độ, biên báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất - Giai đoạn 1: $565 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý từ module 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy ra mương quan trắc sau đó thoát theo đường ống HDPE D400 đi xuyên qua lòng hồ điều hòa của Cụm công nghiệp Tân Phú, sau đó chảy về hồ Tân Lợi, chiều dài đường ống thoát nước thải sau xử lý khoảng 1.250 m (trong đó đoạn từ sau hồ điều hòa đến hồ Tân Lợi khoảng 200 m) theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,6$; $k_f = 1,0$, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (cột A, với hệ số $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	Khi lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục được miễn thực hiện quan trắc định kỳ	Phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục
2	pH	-	6-9		
3	COD	mg/l	45		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	3		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	30		
6	Màu	Pt/Co	30	Khi lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục được miễn thực hiện quan trắc định kỳ đến hết ngày 31/12/2024 và từ ngày 01/01/2025 thực hiện quan trắc định kỳ với tần suất là 03 tháng/lần	Không yêu cầu
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	18		
8	Asen	mg/l	0,03		
9	Thủy ngân	mg/l	0,003		
10	Chì	mg/l	0,06		
11	Cadimi	mg/l	0,03		
12	Crom (VI)	mg/l	0,03		
13	Crom (III)	mg/l	0,12		
14	Đồng	mg/l	1,2		
15	Kẽm	mg/l	1,8		
16	Niken	mg/l	0,12		
17	Mangan	mg/l	0,3		
18	Sắt	mg/l	0,6		
19	Tổng xianua	mg/l	0,042		
20	Tổng phenol	mg/l	0,06		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	3		
22	Sunfua	mg/l	0,12		
23	Florua	mg/l	3		
24	Tổng nitơ	mg/l	12		
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	2,4		
26	Clorua	mg/l	300		
27	Clo dư	mg/l	0,6		
28	Coliform	vi khuẩn /100ml	3.000		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,03	Khi lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục được miễn thực hiện quan	
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật	mg/l	0,18		

	phốt pho hữu cơ			trắc định kỳ đến hết ngày 31/12/2024 và từ ngày 01/01/2025 thực hiện quan trắc định kỳ với tần suất là 01 năm/lần	
33	Tổng PCB	mg/l	0,0018		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nguồn số 01 và nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng 02 bồn tự hoại (dung tích 2.000 lít/bồn), kết cấu: composite, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống HDPE D300, D400.

- Nguồn số 2: Nước thải từ các nhà máy thứ cấp phải được thu gom, xử lý sơ bộ tại từng nhà máy đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Mương dẫn → Thiết bị lọc rác thô → Hồ thu gom → Thiết bị lọc rác tinh → Bể tách dầu mỡ kết hợp lắng cát → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hoá lý 1 → Bể đệm → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể trung gian → Bể lắng sinh học → Bể hạ pH → Bể phản ứng fenton → Bể oxy hóa → Bể trung hòa → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hoá lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc tự động, liên tục. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,6$, $k_f = 1,0$ sau đó xả ra Hồ Tân Lợi.

- Công suất thiết kế hệ thống: Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung - Giai đoạn 1 (module 1 có công suất thiết kế 565 m³/ngày.đêm). Giai đoạn 2: khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 1, Chủ dự án sẽ tiến hành xây dựng module 2 có công suất 565 m³/ngày.đêm. Giai đoạn 3: khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 2, Chủ dự án sẽ tiến hành xây dựng module 3 có công suất 565 m³/ngày.đêm. Giai đoạn 4: khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 3, Chủ dự án sẽ tiến hành xây dựng module 4 có công suất 565 m³/ngày.đêm nâng tổng công suất xử lý nước thải của Cụm công nghiệp khi lắp đầy là 2.260 m³/ngày.đêm), để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh của Cụm công nghiệp Tiên Hưng 1.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: PAC, H₂SO₄, NaOH, polymer cation, polymer anion, Ca(OCL)₂, H₂O₂, Na₂CO₃, FeSO₄.7H₂O.

- Nước thải tại các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp được xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Phải hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) theo quy định và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước chậm nhất là ngày 31/12/2024, cụ thể:

- Vị trí lắp đặt: 01 vị trí tại mương quan trắc.
- Thông số quan trắc lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động lắp đặt: 01 bộ.
- Camera theo dõi: Phải lắp camera theo dõi, giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu phải được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố có tổng dung tích thiết kế là 1.133 m³ đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải (dùng chung cho giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của hệ thống xử lý nước thải) trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tăng cường giám sát quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các hạng mục công trình, thiết bị hoạt động liên tục, ổn định và hiệu quả.

- Kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào, thường xuyên lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của các doanh nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp.

- Kiểm tra vi sinh vật (màu, mùi, các hiện tượng bất thường của bùn) để kịp thời bổ sung các chất dinh dưỡng và điều chỉnh các thông số của hệ thống xử lý nước thải khi cần thiết, giúp cho hệ vi sinh luôn hoạt động ổn định. Đồng thời, luôn duy trì lượng bùn vi sinh tối ưu để đảm bảo hiệu quả xử lý tốt nhất của hệ thống.

- Bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị định kỳ.
- Kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý, nếu đạt quy chuẩn hiện hành thì mới tiến hành cho xả nước thải ra nguồn tiếp nhận.
- Kiểm tra, bảo đảm các trang thiết bị ứng phó sự cố sẵn sàng sử dụng.
- Lập kế hoạch đào tạo cho nhân viên vận hành để ứng phó với các sự cố xảy ra trong thực tiễn. Tập huấn ứng phó sự cố môi trường theo các kịch bản.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp:

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải vào hệ thống xử lý nước thải (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT)
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD5 (20°C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1.000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01

31	Coliform	vi khuẩn /100ml	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Quý III/2025.

2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 565 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải, công suất 565 m³/ngày.đêm.
- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, công suất 565 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo các thông số quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải: Việc quan trắc nước thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp. Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cụm công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Cụm công nghiệp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và

đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hoá chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu trong 02 năm.

3.4. Phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước chậm nhất là ngày 31/12/2024. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31/12/2024; sau thời gian này chỉ được miễn trách nhiệm quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

3.7. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày .../.../2024 của UBND tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Khu vực đặt máy móc của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tọa độ X = 1269386.269; Y = 565702.487 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị; đăng ký kiểm tra giám định máy móc thiết bị hàng năm để tránh các sự cố liên quan.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ).

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày ... /.../2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/ngày)	Mã chất thải nguy hại	Ký hiệu phân loại
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	2	17 02 03	NH
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	0,5	18 02 01	KS
3	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải bằng các vật liệu khác (như composite)	Rắn	0,2	16 01 06	NH
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	0,3	18 01 01	KS
5	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn	0,3	08 02 01	KS
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	245	12 06 05	KS
Tổng cộng			248,3		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	20
2	Các dây cáp điện hỏng, sứ cách điện cũ, rơ le hỏng	4
Tổng khối lượng		24

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	24
Tổng khối lượng		24

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Số lượng: 01 kho.

- Diện tích kho: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường gạch, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng nhựa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, tường xây gạch, mái lợp tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình, lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại

đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày .../.../2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Giai đoạn 2: Khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 1, Chủ dự án phải tiến hành xây dựng module 2 có công suất 565 m³/ngày.đêm. Giai đoạn 3: Khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 2, Chủ dự án phải tiến hành xây dựng module 3 có công suất 565 m³/ngày.đêm. Giai đoạn 4: Khi lượng nước thải bằng 85% công suất của module 3, Chủ dự án phải tiến hành xây dựng module 4 có công suất 565 m³/ngày.đêm nâng tổng công suất xử lý nước thải của Cụm công nghiệp khi lấp đầy là 2.260 m³/ngày.đêm), để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh của Cụm công nghiệp Tiên Hưng 1.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong Cụm công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của Cụm công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc đã thống nhất, thỏa thuận về tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải với các chủ dự án, cơ sở thứ cấp đã được cơ quan có thẩm quyền phê

duyệt thủ tục đầu tư và môi trường theo quy định của pháp luật (quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường). Đối với các dự án đang thực hiện thủ tục môi trường, các dự án trong quá trình thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp có thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải, Công ty Cổ phần Đầu tư - Bất động sản Thành Phương phải đảm bảo có hợp đồng thỏa thuận đầu nối, tiếp nhận nước thải theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đã được phê duyệt tại Giấy phép môi trường này.

6. Phối hợp chặt chẽ với các dự án thứ cấp kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật.

10. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

11. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

13. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 08/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 và các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu tại Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định về phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và các quy định khác.

14. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.